

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 6 - 2023
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Huệ và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị X, sinh ngày: 26/12/1982;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh ngày: 10/8/1983;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị X có mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị X trình bày:

Chị và anh Dương Văn Q kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với gia đình anh Q tại xóm Đ, xã T, thành phố Sông Công. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đã có nhiều lần anh Q đánh chị X. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được, không tìm được tiếng nói

chung. Chị đã tham gia góp ý nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị X và anh Q sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 cho đến nay, không còn ai quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ, chồng chị có 02 con chung là Dương Đình T - Sinh ngày 29/10/2011 và Dương Tiến M - Sinh ngày 16/10/2015; hiện các con đang ở với anh Q từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, nếu anh Q không nhất trí chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương Tiến M, anh Q nuôi dưỡng cháu Dương Đình T, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ, chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Dương Văn Q trình bày:

Anh Q xác nhận thông tin về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay như ý kiến trình bày trên của chị X là đúng. Về nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh Q thừa nhận phần lớn là lỗi do anh như ý kiến trình bày trên của chị X là đúng. Tuy nhiên, anh Q xác định vợ chồng, tuy có mâu thuẫn, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn thương yêu chị X, anh Q mong chị X suy nghĩ lại vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi con nhỏ. Nếu chị X kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như ý kiến trình bày trên của chị X là đúng. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, vì các con ở ổn định với anh từ nhỏ cho đến nay. Nếu được quyền nuôi các con, anh Q yêu cầu chị X cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh nhất trí ý kiến trình bày trên của chị X, quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho các đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, song các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị X vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật BLTTDS, đối với

nguyên đơn tham gia tố tụng đó thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 của BLTTDS, bị đơn anh Dương Văn Q đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị X và cho chị X được ly hôn anh Dương Văn Q.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Dương Tiến M cho chị X nuôi dưỡng, giao cháu Dương Đình T cho anh Q nuôi dưỡng. Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho các bên đương sự cho đến khi có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị X phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, giữa nguyên đơn là chị Đỗ Thị X và bị đơn là anh Dương Văn Q, các đương sự cùng có nơi cư trú tại: Xóm Đ, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đó tiến hành tổng đạt đầy đủ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho anh Dương Văn Q theo quy định của BLTTDS, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ, quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị X và anh Dương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân chị X yêu cầu được ly hôn với anh Q là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách sống không hòa hợp, trong cuộc sống chung, anh Q thường xuyên bạo lực, đánh chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ, chồng nên chị X và anh Q đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Q đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp, hàn gắn được. Anh Q mong muốn vợ chồng đoàn tụ, xong anh cũng không có biện pháp nào thuyết phục chị X về đoàn tụ mà vợ, chồng hiện tại vẫn đang sống ly thân nhau. Như vậy, có căn cứ xác định đời sống chung giữa chị X và anh Q đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trên thực tế cuộc sống chung vợ, chồng không tồn tại. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận và cho chị Đỗ Thị X được ly hôn anh Dương Văn Q.

[2.2]. Về con chung: Vợ, chồng chị X và anh Q có 02 con chung là Dương Đình T và Dương Tiên M. Khi ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con chung, chị X xác định nếu anh Q không nhất trí thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu M, vì cháu còn nhỏ và hay ốm đau nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ hơn. Xét trên thực tế, thấy chị X và anh Q đều có điều kiện nuôi con chung như nhau, tuy các con đều có nguyện vọng muốn ở với anh Q, nhưng nếu giao cho anh Q nuôi cả 02 con thì sẽ vất vả cho anh Q trong quá trình nuôi dưỡng các con trưởng thành. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị X, giao cho chị X trực tiếp nuôi cháu Dương Tiên M, anh Q trực tiếp nuôi cháu Dương Đình T là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; không chặn yêu cầu được nuôi cả 02 con của anh Dương Văn Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị X và anh Q đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung như nhau, nên tạm hoãn buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho các bên đương sự cho đến khi có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh Q đều xác định quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị X phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị X, cho chị X được ly hôn anh Dương Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Tiến M - Sinh ngày 16/10/2015; giao cho anh Dương Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Đình T - Sinh ngày 29/10/2011 cho đến khi các con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên đương sự cho đến khi có yêu cầu.

Chị X và anh Q đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001032 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Chị X đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị X báo cho chị X biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên,
- VKSND, thành phố Sông Công,
- Chi cục THADS thành phố Sông Công,
- UBND xã T, TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

